



CỤC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'  
TRUNG TÂM KHẢO NGHIỆM, KIỂM NGHIỆM,  
KIỂM ĐỊNH THỦY SẢN

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số: HQ.3K.26.00095

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản chứng nhận:

Tên sản phẩm : EEL FEED JOLMA (WHITE FISH)  
Số lượng/ khối lượng : 1.300 thùng/26.000 kg  
Hãng, nước sản xuất : Fujian Tianma Feed Co., Ltd. (China)  
Thuộc lô hàng nhập khẩu  
Hợp đồng số : LMM-YXN-25/08 ngày 02/12/2025  
Hóa đơn số : LMM-YXN-25/08 ngày 09/12/2025  
Vận đơn số : 026F555964  
Ngày sản xuất : 12/12/2025  
Giấy đăng ký kiểm tra : 10889/HQ-GDK-TTKN ngày 24/12/2025  
chất lượng (Mã hồ sơ: BNNPTNT29250043740)  
Đơn vị được cấp : CÔNG TY TNHH LAMIMEX  
Địa chỉ: Tầng 1 Tòa nhà Cửu Long Plaza, đường Trần Hưng Đạo, phường Tân Thành, tỉnh Cà Mau, Việt Nam  
Phương thức đánh giá : Phương thức 7 (theo Thông tư số: 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ)  
Phù hợp quy chuẩn kỹ thuật : QCVN 02-31-1:2019/BNNPTNT  
Có giá trị đến ngày : Hết hạn sử dụng sản phẩm

Quyết định chứng nhận

Số: 99 /QĐ-TTKN

Ngày 10 tháng 01 năm 2026

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Hà Thanh Tùng



## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 256/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản, đựng trong túi zipper.

Mã số mẫu/Sample code : 0302601366

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 06/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 06/01/2026

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                       | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|--------------------|---------------------------------|
| EEL FEED JOLMA<br>(WHITE FISH)<br>(BNNPTNT29250043740)-<br>S | Salmonella spp. (*)(**)                | /25g         | KPH                | TCVN 10780-1:2017               |

Cần Thơ, ngày/date: 09/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

Ghi chú/ Note:

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, party or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.

## PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

## ANALYTICAL REPORT

Số/No.: 255/2026/KN-HQ

Tên khách hàng/Customer name <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng

Địa chỉ/Address <sup>(1)</sup> : Số 9, đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), phường An Bình, Tp. Cần Thơ

Người gửi mẫu/Delivered by <sup>(1)</sup> : Nguyễn Minh Hoàng

Mô tả mẫu/Sample description <sup>(1)</sup> : Thức ăn hỗn hợp dùng trong nuôi trồng thủy sản, đựng trong túi zipper.

Mã số mẫu/Sample code : 0302601365

Ngày nhận mẫu/Receiving date : 06/01/2026

Ngày phân tích/Analysing date : 06/01/2026

| Tên mẫu/<br>Sample name <sup>(1)</sup>                       | Chỉ tiêu/<br>Parameters <sup>(1)</sup> | ĐVT/<br>Unit        | Kết quả/<br>Result | Phương pháp thử/<br>Test method                       |
|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------|---------------------|--------------------|-------------------------------------------------------|
| EEL FEED JOLMA<br>(WHITE FISH)<br>(BNNPTNT29250043740)-<br>H | Asen (As) vô cơ (**)                   | mg/kg<br>(LOQ=0,9)  | KPH                | EN 16278:2012                                         |
|                                                              | Chì (Pb) (**)                          | mg/kg<br>(LOQ=0,6)  | <0,6               | AOAC 986.15                                           |
|                                                              | Cadimi (Cd) (**)                       | mg/kg<br>(LOQ=0,15) | 0,82               | AOAC 986.15                                           |
|                                                              | Thủy ngân (Hg) (**)                    | mg/kg<br>(LOQ=0,05) | KPH                | EN 16277:2012                                         |
|                                                              | Aflatoxin B1 (*)                       | µg/kg<br>(LOQ=1)    | KPH                | HDH-08<br>(Ref. AOAC 990.33; AOAC 991.31) Sắc ký lỏng |
|                                                              | Ethoxyquin (*)                         | mg/kg<br>(LOQ=0,1)  | KPH                | AOAC 996.13                                           |

Cần Thơ, ngày/date: 09/01/2026

GIÁM ĐỐC/DIRECTOR



Nguyễn Đình Xuân Quý

**Ghi chú/ Note:**

- Tất cả các chỉ tiêu đã được chứng nhận hoạt động bởi Bộ chủ quản/All parameters have been certified to operate by the specialized Ministry.
- (\*) Chỉ tiêu đã được công nhận ISO/IEC 17025/ Parameters have been accredited by ISO/IEC 17025.
- (\*\*) Chỉ tiêu được Bộ chuyên ngành chỉ định/ Parameters have been designated by the specialized Ministry.
- (#) Kết quả phân tích do nhà thầu phụ thực hiện/ Analysis results performed by subcontractors.
- KPH/ND: Không phát hiện/ Not detected; PH: phát hiện/detected.
- LOQ: Giới hạn định lượng/Limit of Quantitation. LOD: Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection. MDL: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/Method Detection Limit.
- <sup>(1)</sup> Thông tin do khách hàng cung cấp hoặc yêu cầu/ Information provided or requested by the customer.
- Không được sao chép một phần hay toàn bộ kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám đốc Trung tâm Vùng I/ This above result shall not reproduced, partly or fully, unless written approval of Director of ASTAC I.
- Khiếu nại kết quả chỉ giải quyết trong thời gian lưu mẫu/Complaints about results will only be resolved during the sample retention period.
- Kết quả phân tích trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm/ The analysis results in this sheet are only valid on the test sample.